

BÁO CÁO

Tổng hợp nội dung phục vụ công tác Đoàn thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định số 02/QĐ-TTr

Thực hiện Công văn số 03/TTr ngày 03/5/2024 của Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 02/QĐ-TTr về công bố Quyết định Thanh tra và gửi đề cương yêu cầu báo cáo các nội dung thanh tra;

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư trong các năm qua như sau:

1. Đặc điểm tình hình của huyện Đắk Glei:

- Đắk Glei là huyện miền núi nằm về phía Bắc của tỉnh Kon Tum, là huyện vùng cao biên giới. Phía Bắc giáp huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, phía Đông giáp huyện Tu Mơ Rông, huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum, phía Tây giáp nước CHDCND Lào. Đắk Glei có trục quốc lộ 14 (đường Hồ Chí Minh) đi qua 4 xã và một thị trấn, nối huyện với thành phố Kon Tum và thành phố Đà Nẵng, đưa huyện trở thành cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Kon Tum trên trục đường Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố Kon Tum 122 km và cách trung tâm thành phố Đà Nẵng 195 km.

- Năm 2023, toàn huyện có khoảng 52.381 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 90% dân số toàn huyện chủ yếu là dân tộc Gié-Triêng và Xơ Đăng; Hộ nghèo toàn huyện năm 2023 còn 1.457 hộ, chiếm 10,4%. Toàn huyện có 11 xã và 01 thị trấn với 93 thôn làng, trong đó có 03 xã giáp biên giới, có 02 cửa khẩu phụ và 05 Đồn Biên phòng đóng chân trên địa bàn và 07 xã trọng điểm về ANTT. Toàn huyện hiện có 13 phòng, ban chuyên môn. Tổng diện tích tự nhiên của Đắk Glei năm 2010 là 149.526,47 ha. Theo số liệu thống kê đất đai đến ngày 31/12/2022, toàn huyện có 106.689,95 ha đất lâm nghiệp có rừng, chiếm 71,43% diện tích đất tự nhiên. Trong đó diện tích rừng sản xuất 28.208,57 ha; diện tích rừng phòng hộ 41.677,74 ha; diện tích rừng đặc dụng 36.803,64 ha. Đặc điểm rừng huyện Đắk Glei có độ che phủ cao, thảm thực vật dày.

2. Nguồn vốn thực hiện đầu tư công trong các năm gần đây:

STT	Nguồn vốn đầu tư công	Năm 2021 (Triệu đồng)	Năm 2022 (Triệu đồng)	Năm 2023 (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý giao UBND huyện Đắk Glei làm chủ đầu tư				
-	Vốn theo kế hoạch năm	12.000	10.322	30.000	
-	Vốn đã thực hiện giải ngân trong năm	12.000	10.322	29.445	
-	Tỷ lệ giải ngân	100%	100%	98,15%	
2	Nguồn vốn phân cấp cho				

STT	Nguồn vốn đầu tư công	Năm 2021 (Triệu đồng)	Năm 2022 (Triệu đồng)	Năm 2023 (Triệu đồng)	Ghi chú
	ngân sách huyện Đắk Glei quản lý				
-	Vốn theo kế hoạch năm	22.990	29.700	29.000	
-	Vốn đã thực hiện giải ngân trong năm	19.346	29.615	28.766	
-	Tỷ lệ giải ngân	84,15%	99,3%	99,2%	
3	Nguồn vốn khác (Vốn ODA, vốn khác) giao UBND huyện Đắk Glei và các đơn vị trực thuộc làm chủ đầu tư				
	Vốn theo kế hoạch năm				
	Vốn đã thực hiện giải ngân trong năm				
4	Tỷ lệ giải ngân				

3. Quản lý, thực hiện đầu tư công:

3.1. Việc thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt: Chủ trương đầu tư; dự án đầu tư; Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm:

- Tổng số dự án, tổng mức đầu tư được phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư của các năm 2021, 2022, 2023: **21** dự án.

- Tình hình thực hiện lập, thẩm định, trình phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư: Được thực hiện theo đúng quy định của Luật đầu tư công và các quy định hiện hành về công tác đầu tư XDCB. Riêng các dự án triển khai theo các chương trình mục tiêu quốc gia thì không phải lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Tình hình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt/điều chỉnh dự án đầu tư: Tuân thủ các văn bản quy định của Chính phủ. Các chủ đầu tư đã tổ chức lựa chọn các đơn vị tư vấn có đủ năng lực để thực hiện lập dự án đầu tư; trình các ban ngành, cấp thẩm quyền thẩm định và phê duyệt dự án các bước theo đúng quy định trong xây dựng cơ bản, đảm bảo chặt chẽ, thuận lợi cho giai đoạn lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán.

- Tình hình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt/điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm: Được thực hiện theo đúng quy định của Luật đầu tư công

3.2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư (Vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản) của UBND huyện Đắk Glei và các đơn vị thuộc, trực thuộc và các xã, thị trấn được giao làm chủ đầu tư trong các năm 2021, 2022 và 2023: Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

3.3. Việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn khác:

- Thời gian thực hiện các gói thầu, dự án theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết: Thực hiện đảm bảo theo quy định về thời gian thực hiện dự án và đúng tiến độ, hợp đồng đã ký kết.

- Việc thực hiện nghiệm thu, thanh toán khối lượng công trình xây dựng: Thực hiện nghiệm thu khối lượng hoàn thành, thanh toán nhanh kịp thời cho nhà

thầu khi đủ điều kiện, đảm bảo lộ trình bố trí vốn và kế hoạch giải ngân của từng dự án.

- Việc thực hiện giải ngân, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng và tình hình nợ đọng vốn đầu tư: Thực hiện đảm bảo theo quy định, giải ngân kế hoạch vốn đảm bảo theo niên độ hằng năm và trong giai đoạn 2021-2023 không có dự án nào giải ngân không đảm bảo, để mất vốn và không có dự án nào nợ đọng xây dựng cơ bản.

3.4. Việc thực hiện lựa chọn nhà thầu:

- Tình hình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Thực hiện lập, thẩm định và trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đầy đủ đảm bảo và đúng quy định Luật đấu thầu và các hướng dẫn khác liên quan.

- Tình hình thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu... theo đúng quy định Luật đấu thầu và các hướng dẫn khác liên quan, 100% gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu, chào hàng cạnh tranh đều tổ chức qua mạng.

3.5. Việc thực hiện giám sát và đánh giá dự án đầu tư: Chế độ báo cáo giám sát, đánh giá các dự án của chủ đầu tư đã từng bước đi vào nề nếp. Chất lượng giám sát, đánh giá đầu tư ngày càng được nâng cao, điều này thể hiện qua chất lượng các công trình được giám sát: Qua các cuộc kiểm tra phát hiện ít sai sót hơn.

4. Thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể và hợp tác xã.

4.1. Tình hình đăng ký kinh doanh hộ cá thể và hợp tác xã (Số lượng đăng ký thành lập, tổng số vốn đăng ký, tạm ngừng, giải thể, thu hồi hộ kinh doanh cá thể và hợp tác xã).

4.1.1. Đăng ký hộ kinh doanh:

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Đăng ký hộ kinh doanh	145	66	88
2	Thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	30	32	28
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2	3	3
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	7	3	3
5	Tạm ngừng kinh doanh	26	2	8
6	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	20	-	168

4.1.2. Đăng ký hợp tác xã:

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã	5	3	4
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	1	3	4
3	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện,	-	1	-

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
	địa điểm kinh doanh của hợp tác xã			

Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei báo cáo để Đoàn Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư biết, theo dõi./.

Nơi nhận:

- Đoàn Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (t/d);
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Y Thanh

UBND HUYỆN ĐẮK GLEI

BIỂU TỔNG HỢP: TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TẠI UBND HUYỆN ĐẮK GLEI VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC, TRỰC THUỘC LÀM CHỦ ĐẦU TƯ CỦA CÁC NĂM KẾ HOẠCH 2021, 2022, 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Đắk Glei)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
A	CÁC PHÒNG BAN, CHUYÊN MÔN			295.569.276.000			295.569.276.000			260.609.276.000	253.054.962.278	248.880.679.882		239.592.608.882			
A1	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD			258.722.000.000			258.722.000.000			225.901.000.000	219.839.461.000	215.683.300.000		206.775.200.000			
	NĂM 2021			86.168.000.000			86.168.000.000			75.915.000.000	76.765.341.000	73.181.200.000		68.334.300.000			
I	Nguồn ngân sách TW			34.969.000.000			34.969.000.000			31.076.000.000	30.172.000.000	24.930.000.000		24.657.900.000			
1	Tiểu dự án 2: Đường giao thông từ làng Mô Bo đi từ làng Tu Chiêu A xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei (Điểm đầu tại làng Mô Bo xã Mường	Ban quản lý dự án ĐTXD	1044; 12/9/2016	34.969.000.000	278; 31/10/2016	UBND tỉnh	34.969.000.000	Mường Hoong- Ngọc Linh	2021-2023	31.076.000.000					Hoàn thành năm 2023	Đã kiểm toán năm 2022	Kiểm toán nhà nước
-	Gói thầu xây lắp										27.997.000.000	22.921.000.000	CĐT thông thường	22.667.000.000			
-	Gói thầu thiết bị (Nếu có)										0	0					
-	Gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư										498.000.000	496.000.000	CĐT rút gọn	456.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công										974.000.000	947.000.000	CĐT thông thường	974.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										57.000.000	42.000.000	CĐT rút gọn	41.800.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										0	0					
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										646.000.000	524.000.000	CĐT thông thường	519.100.000			
II	Nguồn đầu giá quyền sử dụng đất và hợp pháp khác			21.280.000.000			21.280.000.000			16.331.000.000	18.001.200.000	20.023.300.000		14.123.400.000			
1	San ủi mặt bằng khu trung tâm huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD	31; 07/12/2020	21.280.000.000		UBND huyện	21.280.000.000	thị trấn Đắk Glei	2021-2023	16.331.000.000	18.001.200.000	20.023.300.000		14.123.400.000	Đã hoàn thành năm 2023	đã kiểm toán năm 2022	Kiểm toán nhà nước
-	Gói thầu xây lắp																
	Số 01										6.273.000.000	6.102.000.000	Đấu thầu	4.349.400.000			
	Số 02										10.670.000.000	10.437.000.000	Đấu thầu	8.815.600.000			
-	Gói thầu thiết bị (Nếu có)																
-	Gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư										269.700.000	2.697.000.000	Chỉ định thầu	269.700.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, Kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
-	Gói thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công										287.800.000	287.800.000	Chỉ định thầu	273.700.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										42.000.000	42.000.000	Chỉ định thầu	41.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										59.000.000	58.000.000	Chỉ định thầu	58.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										399.700.000	399.500.000	Chỉ định thầu	316.000.000			
III	Nguồn phân cấp cân đối theo NQ 63/2020										9.760.000.000	9.572.141.000		9.465.600.000			
1	Trường tiểu học thị trấn Đăk Glei	Ban quản lý dự án ĐTXD	01; 26/01/2020	8.000.000.000	380, 05/5/2021	UBND huyện	8.000.000.000	thị trấn Đăk Glei	2021-2022	7.803.000.000	7.659.000.000	7.417.000.000		7.564.800.000	Đã hoàn thành năm 2022	Đã kiểm toán năm 2022	Kiểm toán nhà nước
-	Gói thầu xây lắp										7.058.000.000	7.052.000.000	đấu thầu rộng rãi	6.981.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										300.000.000	298.000.000	chỉ định thầu	291.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										39.000.000	38.000.000	chỉ định thầu	34.500.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										30.000.000	29.000.000	chỉ định thầu	29.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										232.000.000	0	chỉ định thầu	229.300.000			
2	Trường PTDTBT THCS xã Ngọc Linh (HM; Công hàng rào tại điểm chính và 1 số p học tại điểm)	Ban quản lý dự án ĐTXD	2433; 26/11/2020	2.000.000.000	2495; 15/12/2020	UBND huyện	2.000.000.000	Ngọc Linh	2021-2022	1.957.000.000	1.913.141.000	1.907.800.000		1.900.800.000	Đã hoàn thành năm 2022	
-	Gói thầu xây lắp										1.736.000.000	1.732.000.000	Chào hàng cạnh tranh	1.725.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										103.820.000,0	103.000.000	Chỉ định thầu	103.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										8.821.000	8.800.000	Chỉ định thầu	8.800.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										7.500.000	7.500.000	Chỉ định thầu	7.500.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										57.000.000	56.500.000	Chỉ định thầu	56.500.000			
IV	Nguồn vốn hỗ trợ công trình cấp bách NS tỉnh										5.928.000.000	5.693.000.000		5.682.800.000			
1	Nâng cấp cải tạo Đài truyền thanh truyền hình huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD	01; 26/01/2020	6.000.000.000	381, 05/5/2021	UBND huyện	6.000.000.000	thị trấn Đăk Glei	2021-2022	5.928.000.000	5.693.000.000	5.682.800.000		5.738.000.000	Đã hoàn thành năm 2022		
-	Gói thầu xây lắp										2.443.000.000	2.438.000.000	Chào hàng cạnh tranh	2.417.000.000			
-	Gói thầu thiết bị (Nếu có)										2.894.000.000	2.892.000.000	Chào hàng cạnh tranh	2.892.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										251.000.000	250.000.000	Chỉ định thầu	238.000.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										11.000.000	10.800.000	Chỉ định thầu	108.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp và TB										21.000.000	20.000.000	Chỉ định thầu	11.400.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										73.000.000	72.000.000	Chỉ định thầu	71.600.000			
V	Nguồn thu tiền sử dụng đất			3.700.000.000			3.700.000.000			3.604.000.000	3.496.000.000	3.430.500.000		4.885.300.000			
1	Công hàng rào trung tâm chính trị	Ban quản lý dự án ĐTXD	2433; 26/11/2020	1.200.000.000	2496; 15/12/2020	UBND huyện	1.200.000.000	Đăk Pék	2021-	1.175.000.000	1.100.000.000	1.096.000.000		1.097.000.000	Hoàn thành năm 2021		
-	Gói thầu xây lắp										994.000.000	992.000.000	Chỉ định thầu	993.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										68.000.000	67.000.000	Chỉ định thầu	67.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										5.000.000	5.000.000	Chỉ định thầu	5.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										33.000.000	32.000.000	Chỉ định thầu	32.000.000			
2	Đường GTNT Núi Vai từ nhà rông ra đường HCM (gđ 3)	Ban quản lý dự án ĐTXD	2433; 26/11/2020	2.500.000.000	2497; 15/12/2020	UBND huyện	2.500.000.000	Đăk Kroong	2021-2022	2.429.000.000	2.396.000.000	2.334.500.000		3.788.300.000	Hoàn thành năm 2022		
-	Gói thầu xây lắp										2.105.000.000	2.102.000.000	Chào hàng cạnh tranh	2.099.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										211.000.000	153.200.000	Chỉ định thầu	1.610.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										8.400.000	8.000.000	Chỉ định thầu	8.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										4.300.000	4.300.000	Chỉ định thầu	4.300.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										67.300.000	67.000.000	Chỉ định thầu	67.000.000			
VI	Nguồn xổ số kiến thiết			3.052.000.000			3.052.000.000			3.015.000.000	2.927.600.000	2.918.600.000		2.895.300.000			
1	Trường PTDTBT THCS xã Đăk Long	Ban quản lý dự án ĐTXD	2433; 26/11/2020	3.052.000.000	2498; 15/12/2020	UBND huyện	3.052.000.000	Đăk Long	2021-2022	3.015.000.000	2.927.600.000	2.918.600.000		2.895.300.000	Hoàn thành năm 2022		
-	Gói thầu xây lắp										2.611.000.000	2.606.000.000	chào hàng cạnh tranh	2.585.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										211.000.000	207.000.000	chỉ định thầu	207.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										13.200.000	13.200.000	chỉ định thầu	13.200.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										6.700.000	6.700.000	chỉ định thầu	6.700.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										85.700.000,0	85.700.000,0	chỉ định thầu	83.400.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
VII	Nguồn hỗ trợ NTM (ưu tiên giáo dục)			7.167.000.000			7.167.000.000			6.201.000.000	6.903.400.000	6.871.200.000		6.568.800.000			
1	Trường tiểu học xã Mường Hoong (điểm trường chính)	Ban quản lý dự án ĐTXD	865; 24/9/2021	1.500.000.000	935; 22/10/2021	UBND huyện	1.500.000.000	Mường Hoong	2022-	1.449.000.000	1.444.100.000	1.434.700.000		1.401.800.000	Hoàn thành năm 2022		
-	Gói thầu xây lắp										1.306.300.000	1.298.000.000	Chào hàng cạnh tranh	1.266.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										82.700.000	82.000.000	Chỉ định thầu	82.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										6.600.000	6.600.000	Chỉ định thầu	6.600.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										5.600.000	5.600.000	Chỉ định thầu	5.600.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										42.900.000	42.500.000	Chỉ định thầu	41.600.000			
2	Trường THCS xã Đăk Pék	Ban quản lý dự án ĐTXD	01; 26/01/2020	5.667.000.000	938; 22/10/2021	UBND huyện	5.667.000.000	Đăk Pék	2021-2022	4.752.000.000	5.459.300.000	5.436.500.000		5.167.000.000	Hoàn thành năm 2022		
-	Gói thầu xây lắp										4.552.400.000	4.529.600.000	Chào hàng cạnh tranh	4.394.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										343.000.000	343.000.000	Chỉ định thầu	343.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										22.000.000	22.000.000	Chỉ định thầu	22.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										19.500.000	19.500.000	Chỉ định thầu	19.500.000			
-	Gói thầu thiết bị (Nếu có)										374.400.000	374.400.000	Chỉ định thầu	374.400.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										148.000.000	148.000.000	Chỉ định thầu	14.100.000			
	NĂM 2022			109.640.000.000			109.640.000.000			100.907.000.000	89.958.700.000	89.723.800.000		88.360.600.000			
I	Nguồn hỗ trợ NTM (ưu tiên giáo dục)			4.000.000.000			4.000.000.000			3.950.000.000	3.840.900.000	3.835.900.000		3.766.200.000			
1	Trường TH - THCS xã Đăk Man	Ban quản lý dự án ĐTXD	839, 05/9/2021	1.500.000.000	1077; 15/12/2021	UBND huyện	1.500.000.000	Đăk Man	2022-	1.500.000.000	1.445.900.000	1.445.900.000		1.416.200.000,00	Hoàn thành năm 2022		
-	Gói thầu xây lắp										1.308.000.000	1.308.000.000	Chào hàng cạnh tranh	1.280.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										82.800.000	82.800.000	Chỉ định thầu	82.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										6.600.000	6.600.000	Chỉ định thầu	6.600.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										5.600.000	5.600.000	Chỉ định thầu	5.600.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										42.900.000	42.900.000	Chỉ định thầu	42.000.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
2	Trường TH - THCS xã Xốp	Ban quản lý dự án ĐTXD	839, 05/9/2021	2.500.000.000	1076; 15/12/2021	UBND huyện	2.500.000.000	xã Xốp	2022-	2.450.000.000	2.395.000.000	2.390.000.000		2.350.000.000	Hoàn thành năm 2022		
-	Gói thầu xây lắp										2.116.000.000	2.113.000.000	Chào hàng cạnh tranh	2.074.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										189.000.000	188.000.000	Chỉ định thầu	188.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										11.000.000	11.000.000	Chỉ định thầu	11.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										9.000.000	9.000.000	Chỉ định thầu	9.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										70.000.000	69.000.000	Chỉ định thầu	68.000.000			
II	Nguồn số kiến thiết			2.500.000.000			2.500.000.000			2.438.000.000	2.288.000.000	2.283.000.000		2.282.700.000			
1	Trường THCS xã Đăk Kroong	Ban quản lý dự án ĐTXD	839, 05/9/2021	2.500.000.000	1078; 15/12/2021	UBND huyện	2.500.000.000	Đăk Kroong	2022-2023	2.438.000.000	2.288.000.000	2.283.000.000		2.282.700.000	Hoàn thành năm 2023		
-	Gói thầu xây lắp										2.077.000.000	2.074.000.000	Chào hàng cạnh tranh	2.074.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										123.000.000	122.000.000	Chỉ định thầu	122.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										11.000.000	11.000.000	Chỉ định thầu	11.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										9.000.000	9.000.000	Chỉ định thầu	9.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										68.000.000	67.000.000	Chỉ định thầu	66.700.000			
III	Hỗ trợ NS tỉnh và nguồn khác NS huyện			14.990.000.000			14.990.000.000			14.933.000.000	13.938.000.000	13.935.000.000		13.544.000.000			
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Ngọc Linh	Ban quản lý dự án ĐTXD	15, 27/7/2022	14.990.000.000	342; 21/9/2022	UBND huyện	14.990.000.000	Ngọc Linh	2022-2024	14.933.000.000	13.938.000.000	13.935.000.000		13.544.000.000	Đã hoàn thành, dự kiến bàn giao tháng		
-	Gói thầu xây lắp										11.990.000.000	11.988.000.000	đấu thầu rộng rãi	11.754.000.000			
-	Gói thầu thiết bị (Nếu có)										838.000.000	838.000.000	Chỉ định thầu	838.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										611.000.000	611.000.000	Chỉ định thầu	611.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										60.000.000	60.000.000	Chỉ định thầu	60.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										51.000.000	51.000.000	Chỉ định thầu	51.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										388.000.000	387000000	Chỉ định thầu	230.000.000			
IV	Nguồn CTMTQG dân tộc thiểu số và miền núi			88.150.000.000			88.150.000.000			79.586.000.000	69.891.800.000	69.669.900.000		68.767.700.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ; ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Mưong Hoong, huyện Đăk Glei	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	19.200.000.000	340; 21/09/2022	UBND huyện	19.200.000.000	Mưong Hoong	2022-2024	19.200.000.000	16.323.000.000	16.304.000.000		15.809.000.000	Đang thực hiện 80% KL	Đã thanh tra năm 2023	Thanh tra tỉnh Kon Tum
-	Gói thầu xây lắp										14.755.000.000	14.740.000.000	CĐT thông thường	14.740.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư										481.000.000	481.000.000	Chỉ định thầu	481.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập thiết kế BVTC-DT										499.000.000	499.000.000	Chỉ định thầu	499.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										44.000.000	44.000.000	Chỉ định thầu	44.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										45.000.000	45.000.000	Chỉ định thầu	45.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										499.000.000	495.000.000	Chỉ định thầu				
2	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Xốp, huyện Đăk Glei	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	35.237.000.000	341; 21/09/2022	UBND huyện	35.237.000.000	xã Xốp	2022-2024	26.696.000.000	21.272.400.000	21.169.400.000		21.072.000.000	Hoàn thành tháng 12/2023		
-	Gói thầu xây lắp																
	Gói số 01										7.331.000.000	7.288.000.000	Đấu thầu	7.288.000.000			
	Gói số 2										11.880.000.000	11.851.000.000	Đấu thầu	11.851.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư										499.000.000	498.000.000	Chỉ định thầu	496.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập thiết kế BVTC-DT																
	Chi phí khảo sát										498.000.000	498.000.000	Chỉ định thầu	407.000.000			
	Chi phí lập thiết kế BVTC-DT										328.000.000	328.000.000	Chỉ định thầu	324.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										63.600.000	63.000.000	Chỉ định thầu	63.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										57.000.000	57.000.000	Chỉ định thầu	57.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp																
	Gói số 01										226.800.000	225.400.000	Đấu thầu	225.000.000			
	Gói số 2										389.000.000	361.000.000	Đấu thầu	361.000.000			
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ huyện Đăk Glei đi xã Xốp (đoạn ĐH83 từ ngã ba xã Đăk Choong đi xã Xốp)	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	15.775.000.000	343; 21/09/2022	UBND huyện	15.775.000.000	Đăk Choong-Xốp	2022-2024	15.775.000.000	14.777.000.000	14.701.000.000		14.432.000.000	Hoàn thành bàn giao tháng 4/2024		
-	Gói thầu xây lắp										13.002.000.000	12.947.000.000	đấu thầu trong nước qua mạng	12.947.000.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, Kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
-	Gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư										519.000.000	498.000.000	Chỉ định thầu	492.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập thiết kế BVTC-DT										699.000.000	699.000.000	Chỉ định thầu	499.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										40.000.000	40.000.000	Chỉ định thầu	40.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										37.000.000	37.000.000	Chỉ định thầu	37.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										480.000.000	480.000.000	Chỉ định thầu	417.000.000			
4	Sửa chữa, cải tạo chợ Đăk Pék	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	740.000.000	344; 21/09/2022	UBND huyện	740.000.000	Đăk Pék	2022-2023	740.000.000	709.000.000	707.000.000		707.000.000	Hoàn thành tháng 01/2023		
-	Gói thầu xây lắp										642.000.000	641.000.000	Chỉ định thầu	641.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										42.000.000	41.000.000	Chỉ định thầu	41.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										4.000.000	4.000.000	Chỉ định thầu	4.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										21.000.000	21.000.000	Chỉ định thầu	21.000.000			
5	Thủy lợi Đăk Xay thôn Xa Úa	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	1.034.000.000	345; 21/09/2022	UBND huyện	1.034.000.000	Mường Hoang	2022-2023	1.034.000.000	1.000.000.000	997.000.000		997.000.000	Hoàn thành năm 2023	Đã Kiểm toán NN tại TBKL 251,	Kiểm toán nhà nước
-	Gói thầu xây lắp										873.000.000	871.000.000	Chỉ định thầu	871.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										101.000.000	100.000.000	Chỉ định thầu	100.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										4.000.000	4.000.000	Chỉ định thầu	4.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										22.000.000	22.000.000	Chỉ định thầu	22.000.000			
6	Thủy Lợi Đăk Kôn thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	300.000.000	346; 21/09/2022	UBND huyện	300.000.000	Ngọc Linh	2022-2023	300.000.000	288.000.000	287.000.000		287.000.000	Hoàn thành năm 2023		
-	Gói thầu xây lắp										247.000.000	246.000.000	Chỉ định thầu	246.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										31.000.000	31.000.000	Chỉ định thầu	31.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										4.000.000	4.000.000	Chỉ định thầu	4.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										6.000.000	6.000.000	Chỉ định thầu	6.000.000			
7	Thủy Lợi Chiếc Tuôn thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	1.037.000.000	347; 21/09/2022	UBND huyện	1.037.000.000	Ngọc Linh	2022-2023	1.037.000.000	1.097.300.000	1.096.200.000		1.095.400.000	Hoàn thành năm 2023	Đã Kiểm toán NN tại TBKL 251,	Kiểm toán nhà nước
-	Gói thầu xây lắp										966.400.000	965.300.000	Chỉ định thầu	965.000.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, Kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										104.500.000	104.500.000	Chỉ định thầu	104.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										4.400.000	4.400.000	Chỉ định thầu	4.400.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										22.000.000	22.000.000	Chỉ định thầu	22.000.000			
8	Cầu tràn suối Đăk Nol thôn Đăk Xi Na xã Xốp	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	1.077.000.000	348; 21/09/2022	UBND huyện	1.077.000.000	xã Xốp	2022-2023	1.077.000.000	1.034.800.000	1.034.100.000		1.034.100.000	Hoàn thành năm 2023	Đã Kiểm toán NN tại TBKL 251,	Kiểm toán nhà nước
-	Gói thầu xây lắp										944.700.000	944.200.000,0	Chỉ định thầu	944.200.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										56.000.000	56.000.000	Chỉ định thầu	56.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										4.400.000	4.400.000	Chỉ định thầu	4.400.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										29.700.000	29.500.000	Chỉ định thầu	29.500.000			
9	Sửa chữa Công trình thủy lợi Đăk Cho thôn Măng Khên	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	1.000.000.000	349; 21/09/2022	UBND huyện	1.000.000.000	Đăk Man	2022-2023	1.000.000.000	956.700.000	954.600.000		954.400.000	Hoàn thành năm 2023	Đã Kiểm toán NN tại TBKL 251,	Kiểm toán nhà nước
-	Gói thầu xây lắp										846.800.000	845.200.000	Chỉ định thầu	845.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										83.500.000	83.000.000	Chỉ định thầu	83.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										4.400.000	4.400.000	Chỉ định thầu	4.400.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										22.000.000	22.000.000	Chỉ định thầu	22.000.000			
10	Sửa chữa đường GTNT từ nhà A Chá đến nhà A Vòng	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	825.000.000	350; 21/09/2022	UBND huyện	825.000.000	Đăk Man	2022-2023	825.000.000	799.600.000	798.400.000		798.400.000	Hoàn thành năm 2023	Đã Kiểm toán NN tại TBKL 251,	Kiểm toán nhà nước
-	Gói thầu xây lắp										722.900.000	722.000.000	Chỉ định thầu	722.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										49.300.000	49.000.000	Chỉ định thầu	49.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										4.400.000	4.400.000	Chỉ định thầu	4.400.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										23.000.000	23.000.000	Chỉ định thầu	23.000.000			
11	Trường PTDTBT THCS xã Mường Hoong	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	3.865.000.000	338; 21/09/2022	UBND huyện	3.865.000.000	Mường Hoong	2022-2023	3.865.000.000	3.698.800.000	3.695.200.000		3.695.200.000	Hoàn thành năm 2023		
-	Gói thầu xây lắp										3.396.500.000	3.395.000.000	Chỉ định thầu	3.395.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										159.000.000	159.000.000	Chỉ định thầu	159.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										17.200.000	17.200.000	Chỉ định thầu	17.200.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										14.600.000	14.000.000	Chi định thầu	14.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										111.500.000	110.000.000	Chi định thầu	110.000.000			
12	Trường PTDTBT THCS xã Ngọc Linh Hạng mục: 10 phòng ở giáo viên và 05 phòng ở học sinh	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	3.485.000.000	339; 21/09/2022	UBND huyện	3.485.000.000	Mường Hoang	2022-2023	3.462.000.000	3.356.000.000	3.351.000.000		3.351.000.000	Hoàn thành năm 2023		
-	Gói thầu xây lắp										3.030.000.000	3.029.000.000	CĐT thông thường	3.029.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										198.000.000	197.000.000	Chi định thầu	197.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										15.000.000	14.000.000	Chi định thầu	14.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										13.000.000	12.000.000	Chi định thầu	12.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										100.000.000	99.000.000	Chi định thầu	99.000.000			
13	Tu bổ, tôn tạo di tích Ngục Đăk Glei	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	4.575.000.000	351; 21/09/2022	UBND huyện	4.575.000.000	Mường Hoang	2022-2024	4.575.000.000	4.579.200.000	4.575.000.000		4.535.200.000	Hoàn thành tháng 5/2024		
-	Gói thầu xây lắp										4.182.600.000	4.179.800.000	Chào hàng cạnh tranh	4.176.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										220.000.000	219.000.000	Chi định thầu	183.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										21.200.000	21.200.000	Chi định thầu	21.200.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										18.000.000	18.000.000	Chi định thầu	18.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										137.400.000	137.000.000	Chi định thầu	137.000.000			
	NĂM 2023			62.914.000.000			62.914.000.000				49.079.000.000	53.115.420.000		52.778.300.000			
I	Nguồn phân cấp cân đối theo NQ 63/2020			910.000.000			910.000.000				906.000.000	877.300.000		876.900.000			
1	Trường Tiểu học - THCS xã Đăk Blô	Ban quản lý dự án ĐTXD	839, 05/9/2021	910.000.000	676; 12/12/2022	UBND huyện	910.000.000	Đăk Plô	2023-	906.000.000	877.300.000	876.900.000		876.900.000	Hoàn thành năm 2023		
-	Gói thầu xây lắp										791.000.000	791.000.000	chi định thầu	791.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										56.000.000	56.000.000	chi định thầu	56.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										4.400.000	4.400.000	chi định thầu	4.400.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										25.900.000	25.500.000	chi định thầu	25.500.000			
II	Nguồn CTMTQG dân tộc thiểu số và miền núi			32.004.000.000			32.004.000.000				18.173.000.000	27.784.220.000		27.744.500.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	20.000.000.000	501; 30/9/2022	UBND huyện	20.000.000.000	Ngọc Linh	2023-2024	6.169.000.000	16.355.000.000	16.341.500.000		16.341.500.000			
-	Gói thầu xây lắp										14.865.000.000	14.855.000.000	Đấu thầu rộng rãi	14.855.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư										470.900.000	470.000.000	Chỉ định thầu	470.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập thiết kế BVTC-DT										477.000.000	475.000.000	Chỉ định thầu	475.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										47.400.000	47.000.000	Chỉ định thầu	47.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										45.700.000	45.500.000	Chỉ định thầu	45.500.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										449.000.000	449.000.000	Chỉ định thầu	449.000.000			
2	Trường PTDTBT THCS xã Đăk Long	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	9.068.000.000	677; 12/12/2022	UBND huyện	9.068.000.000	Ngọc Linh	2023-2024	9.068.000.000	8.604.320.000	8.585.000.000		5.891.000.000	Hoàn thành tháng 7/2024		
-	Gói thầu xây lắp										7.937.800.000,0	7.929.000.000	Đấu thầu rộng rãi	5.330.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập báo cáo KTKT										331.200.000,0	325.000.000	Chỉ định thầu	325.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										40.320.000,0	38.000.000	Chỉ định thầu	38.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT										34.300.000	33.000.000	Chỉ định thầu	33.000.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										260.700.000	260.000.000	Chỉ định thầu	165.000.000			
3	Thuỷ lợi Đăk Doang thôn Lang Đung	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	1.100.000.000	678; 12/12/2022	UBND huyện	1.100.000.000	Xã Mường Hoong	2022-2023	1.100.000.000	1.058.400.000	1.056.600.000		1.056.600.000	Hoàn thành tháng 8/2023		
-	Gói thầu xây lắp										921.500.000	919.700.000	Chỉ định thầu	919.700.000			
-	Gói thầu tư vấn lập BCKTKT										109.000.000	109.000.000	Chỉ định thầu	109.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										4.400.000	4.400.000	Chỉ định thầu	4.400.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										23.500.000	23.500.000	Chỉ định thầu	23.500.000			
4	Xây mới Thuỷ lợi Đăk De	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	836.000.000	679; 12/12/2022	UBND huyện	836.000.000	Xã Đăk Nhoong	2022-2023	836.000.000	804.200.000	801.200.000		801.200.000	Hoàn thành tháng 8/2023		
-	Gói thầu xây lắp										701.000.000	698.500.000	Chỉ định thầu	698.500.000			
-	Gói thầu tư vấn lập BCKTKT										80.900.000	80.500.000	Chỉ định thầu	80.500.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										4.400.000	4.400.000	Chỉ định thầu	4.400.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										17.900.000	17.800.000	Chỉ định thầu	17.800.000			
5	Thủy lợi Nước Rùi thôn Xốp dùi xã Xốp	Ban quản lý dự án ĐTXD	54; 29/8/2022	1.000.000.000	680; 12/12/2022	UBND huyện	1.000.000.000	Xã Xốp	2022-2023	1.000.000.000	962.300.000	960.200.000		956.200.000	Hoàn thành tháng 8/2023		
-	Gói thầu xây lắp										836.500.000	835.000.000	Chỉ định thầu	831.000.000			
-	Gói thầu tư vấn lập BCKTKT										99.900.000	99.500.000	Chỉ định thầu	99.500.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										4.400.000	4.400.000	Chỉ định thầu	4.400.000			
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										21.500.000	21.300.000	Chỉ định thầu	21.300.000			
III	Nguồn ngân sách TW			30.000.000.000			30.000.000.000			30.000.000.000	24.453.900.000	24.156.900.000		24.156.900.000			
1	Dự án ổn định dân di dân tự do xã Đăk Long, Đăk Nhoong, Đăk Blô huyện Đăk Glei	Ban quản lý dự án ĐTXD	92, 27/3/2023	30.000.000.000	418, 30/8/2023	UBND tỉnh	30.000.000.000	Đăk Long, Đăk Nhoong, Đăk Blô	2023-2024	30.000.000.000	24.453.900.000	24.156.900.000		24.156.900.000	Hoàn thành bàn giao tháng 4/2024		
-	Gói thầu xây lắp										21.954.700.000	21.673.800.000	Đấu thầu qua mạng	21.673.800.000			
-	Gói thầu thiết bị										532.200.000	530.700.000	Đấu thầu qua mạng	530.700.000			
-	Gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư										499.000.000	498.200.000	Chỉ định thầu	498.200.000			
-	Gói thầu tư vấn lập thiết kế BVTC-DT												Chỉ định thầu				
-	Gói thầu khảo sát										395.000.000	394.700.000	Chỉ định thầu	394.700.000			
	Gói thầu khảo sát										379.000.000	379.000.000	Chỉ định thầu	379.000.000			
-	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT										36.000.000	30.500.000	Chỉ định thầu	30.500.000			
-	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT												tự thực hiện				
-	Gói thầu tư vấn sát xây lắp										658.000.000	650.000.000	Đấu thầu qua mạng	650.000.000			
A2	PHÒNG DÂN TỘC			8.607.000.000			8.607.000.000			8.607.000.000	7.332.645.396	7.314.524.000		6.939.987.000			
I	Nguồn CTMTQG dân tộc thiểu số và miền núi			8.607.000.000			8.607.000.000			8.607.000.000	7.332.645.396	7.314.524.000		6.939.987.000			
	NĂM 2022			4.107.000.000			4.107.000.000			4.107.000.000	3.512.178.651	3.509.076.000	-	3.203.737.000			
1	Sửa chữa nước sinh hoạt tập trung thôn Làng Mới	Phòng Dân tộc huyện	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	2.100.000.000	359; 22/09/2022	UBND huyện Đăk Glei	2.100.000.000	Thôn Làng Mới, xã Mưong Hoong	2022	2.100.000.000	1.791.217.651	1.789.724.000	Chỉ định thầu thông thường	1.653.370.000	CT Hoàn thành		
2	NSH tập trung thôn Kung Rang xã Ngọc Linh	Phòng Dân tộc huyện	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	2.007.000.000	360; 22/09/2023	UBND huyện Đăk Glei	2.007.000.000	Thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh	2022	2.007.000.000	1.720.961.000	1.719.352.000	Chỉ định thầu thông thường	1.550.367.000	CT Hoàn thành		

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
	NĂM 2023			4.500.000.000			4.500.000.000			4.500.000.000	3.820.466.745	3.805.448.000		3.736.250.000			
1	NSH tập trung Đăk Lờ thôn Bung Tôn xã Đăk Plô	Phòng Dân tộc huyện	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	2.500.000.000	685; 13/12/2022	UBND huyện Đăk Glei	2.500.000.000	Bung Tôn - Đăk Plô	2023-2024	2.500.000.000	2.115.922.000	2.106.207.000	Chào hàng cạnh tranh trong nước	2.067.910.000	CT Hoàn thành		
2	NSH Đăk Tam, thôn Vai Trang xã Đăk Long	Phòng Dân tộc huyện	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	2.000.000.000	686; 13/12/2022	UBND huyện Đăk Glei	2.000.000.000	Vai Trang - Đăk Long	2023-2024	2.000.000.000	1.704.544.745	1.699.241.000	Chào hàng cạnh tranh trong nước	1.668.340.000	CT Hoàn thành		
A3	PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN			16.673.138.000			16.673.138.000			14.734.138.000	14.484.266.344	14.484.266.344		14.478.832.344			
I	Nguồn CTMTQG dân tộc thiểu số và miền núi			16.673.138.000			16.673.138.000			14.734.138.000	14.484.266.344	14.484.266.344		14.478.832.344			
	NĂM 2022, 2023			15.063.138.000			15.063.138.000			13.124.138.000	12.878.689.538	12.878.689.538	-	12.873.255.538			
	Ứng dụng công nghệ thông tin, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	Phòng văn hóa và Thông tin	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	3.496.000.000	492; 30/9/2022		3.496.000.000	Các xã, thị trấn	2022-2024	1.757.000.000	1.480.100.000	1.480.100.000	Chào hàng cạnh tranh trong nước	1.474.666.000	Đang triển khai thực hiện		Năm 2022 giao 629 triệu; 2023 giao 1.128 triệu
A4	PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			11.567.138.000			11.567.138.000			11.367.138.000	11.398.589.538	11.398.589.538		11.398.589.538			
I	Nguồn vốn sự nghiệp giáo dục			11.567.138.000			11.567.138.000			11.367.138.000	11.398.589.538	11.398.589.538		11.398.589.538			
	NĂM 2021			1.610.000.000			1.610.000.000			1.610.000.000	1.605.576.806	1.605.576.806		1.605.576.806			
1	Công trình trường TH Kim Đồng, HM giếng khoan	Phòng GD-ĐT		200.000.000			200.000.000	Xã Đăk Pek	2021	200.000.000	198.567.602	198.567.602	0	198.567.602	HT năm 2021	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
	<i>Chi phí xây lắp</i>										<i>174.732.000</i>	<i>174.732.000</i>	<i>Chi định thầu</i>	<i>174.732.000</i>			
	<i>Chi phí tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC và DTXD công trình</i>										<i>4.400.000</i>	<i>4.400.000</i>	<i>Chi định thầu</i>	<i>4.400.000</i>			
	<i>Chi phí tư vấn lập BC KTKT đầu tư xây dựng</i>										<i>10.134.000</i>	<i>10.134.000</i>	<i>Chi định thầu</i>	<i>10.134.000</i>			
	<i>Chi phí tư vấn giám sát, công trình phí xây lắp</i>										<i>4.483.000</i>	<i>4.483.000</i>	<i>Chi định thầu</i>	<i>4.483.000</i>			
	<i>Chi phí QLDA</i>										<i>4.818.602</i>	<i>4.818.602</i>	<i>CDT thành lập BQLDA</i>	<i>4.818.602</i>			
2	Công trình trường THCS Đăk Pek, HM giếng khoan	Phòng GD-ĐT		200.000.000			200.000.000	Xã Đăk Pek	2021	200000000	198.547.602	198.547.602		198.547.602	HT năm 2021	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
	<i>Chi phí xây lắp</i>										<i>174.713.000</i>	<i>174.713.000</i>	<i>Chi định thầu</i>	<i>174.713.000</i>			
	<i>Chi phí tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC và DTXD công trình</i>										<i>4.400.000</i>	<i>4.400.000</i>	<i>Chi định thầu</i>	<i>4.400.000</i>			
	<i>Chi phí tư vấn lập BC KTKT đầu tư xây dựng</i>										<i>10.133.000</i>	<i>10.133.000</i>	<i>Chi định thầu</i>	<i>10.133.000</i>			
	<i>Chi phí tư vấn giám sát, công trình phí xây lắp</i>										<i>4.483.000</i>	<i>4.483.000</i>	<i>Chi định thầu</i>	<i>4.483.000</i>		
	<i>Chi phí QLDA</i>										<i>4.818.602</i>	<i>4.818.602</i>	<i>CDT thành lập BQLDA</i>	<i>4.818.602</i>			
3	Công trình trường PTDTBT-THCS xã Mường Hoong, HM giếng khoan	Phòng GD-ĐT		200.000.000			200.000.000	Xã Mường Hoong	2021	200.000.000	198.461.602	198.461.602	0	198.461.602	HT năm 2021	đã kiểm tra	BTV huyện ủy

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
	Gói thầu xây lắp										174.634.000	174.634.000	Chỉ định thầu	174.634.000			
	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC và DTXD công trình										4.400.000	4.400.000	Chỉ định thầu	4.400.000			
	Gói thầu tư vấn lập BC KTKT đầu tư xây dựng										10.128.000	10.128.000	Chỉ định thầu	10.128.000			
	Gói thầu tư vấn giám sát, công trình phí xây lắp										4.481.000	4.481.000	Chỉ định thầu	4.481.000			
	Gói thầu tư vấn quản lý dự án										4.818.602	4.818.602	CDT thành lập BQLDA	4.818.602			
4	Công trình: Xây mới nhà vệ sinh trường TH Kim Đồng	Phòng GD-ĐT		100.000.000			100.000.000	Xã ĐăkPek	2021	100.000.000	100.000.000	100.000.000	Chỉ định thầu	100.000.000	HT năm 2021	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
5	Công trình: Xây mới nhà vệ sinh trường TH-THCS xã Đăk Man, điểm Đông Lóc	Phòng GD-ĐT		120.000.000			120.000.000	Xã Đăk Man	2021	120.000.000	120.000.000	120.000.000	Chỉ định thầu	120.000.000	HT năm 2021	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
6	Công trình giếng đào trường MN xã Đăk Long, điểm Long Yên	Phòng GD-ĐT		80.000.000			80.000.000	Xã Đăk Long	2021	80.000.000	80.000.000	80.000.000	Chỉ định thầu	80.000.000	HT năm 2021	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
7	Công trình: Sửa chữa nhà vệ sinh và hệ thống nước sạch trường TH xã Đăk Nhoong	Phòng GD-ĐT		80.000.000			80.000.000	Xã Đăk Nhoong	2021	80.000.000	80.000.000	80.000.000	Chỉ định thầu	80.000.000	HT năm 2021	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
8	Công trình Hệ thống nước sạch trường TH-THCS xã Đăk Man	Phòng GD-ĐT		40.000.000			40.000.000	Xã Đăk Man	2021	40.000.000	40.000.000	40.000.000	Chỉ định thầu	40.000.000	HT năm 2021	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
9	Công trình: Xây mới nhà vệ sinh trường TH Võ Thị Sáu, điểm Pêng Prông	Phòng GD-ĐT		110.000.000			110.000.000	Xã ĐăkPek	2021	110.000.000	110.000.000	110.000.000	Chỉ định thầu	110.000.000	HT năm 2021	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
10	Công trình: Xây mới nhà vệ sinh trường TH Võ Thị Sáu, điểm Đăk Đoát	Phòng GD-ĐT		110.000.000			110.000.000	Xã ĐăkPek	2021	110.000.000	110.000.000	110.000.000	Chỉ định thầu	110.000.000	HT năm 2021	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
11	Công trình: Sửa chữa và xây mới nhà vệ sinh Lý Tư Trọng, điểm chính	Phòng GD-ĐT		170.000.000			170.000.000	TT Đăk Glei	2021	170.000.000	170.000.000	170.000.000	Chỉ định thầu	170.000.000	HT năm 2021		
12	Công trình: Giếng nước trường TH Võ thị Sáu, điểm Đăk Dên	Phòng GD-ĐT		80.000.000			80.000.000	Xã Đăk Pek	2021	80.000.000	80.000.000	80.000.000	Chỉ định thầu	80.000.000	HT năm 2021		
13	Công trình: Xây mới Nhà vệ sinh trường TH Võ thị Sáu, điểm chính	Phòng GD-ĐT		120.000.000			120.000.000	Xã Đăk Pek	2021	120.000.000	120.000.000	120.000.000	Chỉ định thầu	120.000.000	HT năm 2021		
	NĂM 2022			5.482.000.000			5.482.000.000				5.482.000.000	5.431.471.732	5.431.471.732		0	0	
1	Công trình: Sửa chữa trường PTDTBT-THCS xã Đăk Long và trường TH xã Đăk Long	Phòng GD-ĐT	490; 29/9/2022	950.000.000	545; 18/10/2022	UBND huyện	950.000.000	Xã Đăk Long	2022	950.000.000	943.588.211	943.588.211		943.588.211	HT năm 2022	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
	Gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT										61.000.000	61.000.000	Chỉ định thầu	61.000.000			
	Gói thầu chi phí tư vấn QLDA										26.307.211	26.307.211	hợp đồng ủy thác và CDT tự thực	26.307.211			
	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng										26.500.000	26.500.000	Chỉ định thầu	26.500.000			
	Gói thầu xây lắp										820.046.000	820.046.000	Chỉ định thầu	820.046.000			
	Gói thầu Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC										4.320.000	4.320.000	Chỉ định thầu	4.320.000			
	CP thẩm tra quyết toán DA hoàn thành										5.415.000	5.415.000		5.415.000			
2	Công trình: Sửa chữa trường Mầm non xã Mường Hoong và trường Mầm non xã Ngọc Linh	Phòng GD-ĐT	490; 29/9/2022	710.000.000	546; 18/10/2022	UBND huyện	710.000.000	Xã Mường Hoong, Xã Ngọc Linh	2022	710.000.000	707.431.641	707.431.641	0	707.431.641	HT năm 2022	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
	Gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT										45.500.000	45.500.000	Chỉ định thầu	45.500.000			
	Gói thầu chi phí tư vấn QLDA										19.630.641	19.630.641	Chỉ định thầu	19.630.641			
	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng										19.700.000	19.700.000	Chỉ định thầu	19.700.000			
	Gói thầu xây lắp										614.234.000	614.234.000	Chỉ định thầu	614.234.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
	Gói thầu Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC										4.320.000	4.320.000	Chỉ định thầu	4.320.000			
	Chi phí thẩm tra quyết toán DA hoàn thành										4.047.000	4.047.000		4.047.000			
3	Công trình: Sửa chữa Trường TH xã Đăk Kroong, Trường TH xã Đăk Môn và trường MN xã Đăk Môn	Phòng GD-ĐT	490; 29/9/2022	917.000.000	549; 18/10/2022	UBND huyện	917.000.000	Xã Đăk Kroong, Xã Đăk Môn	2022	917.000.000	914.750.083	914.750.083		914.750.083	HT năm 2022	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
	Gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT										58.500.000	58.500.000	Chỉ định thầu	58.500.000			
	Gói thầu chi phí tư vấn QLDA										25.389.183	25.389.183	Chỉ định thầu	25.389.183			
	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng										25.600.000	25.600.000	Chỉ định thầu	25.600.000			
	Gói thầu xây lắp										795.714.000	795.714.000	Chỉ định thầu	795.714.000			
	Gói thầu Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC										4.320.000	4.320.000	Chỉ định thầu	4.320.000			
	CP thẩm tra quyết toán DA hoàn thành										5.226.900	5.226.900		5.226.900			
4	Công trình: Sửa chữa Trường TH & THCS xã Xốp và trường MN xã Đăk Choong	Phòng GD-ĐT	490; 29/9/2022	805.000.000	550; 18/10/2022	UBND huyện	805.000.000	Xã Xốp, Xã Đăk Choong	2022	805.000.000	801.094.950	801.094.950	0	801.094.950	HT năm 2022	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
	Gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT										51.500.000	51.500.000	Chỉ định thầu	51.500.000			
	Gói thầu chi phí tư vấn QLDA										22.273.450	22.273.450	Chỉ định thầu	22.273.450			
	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng										22.400.000	22.400.000	Chỉ định thầu	22.400.000			
	Gói thầu xây lắp										696.013.000	696.013.000	Chỉ định thầu	696.013.000			
	Gói thầu Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC										4.320.000	4.320.000	Chỉ định thầu	4.320.000			
	CP thẩm tra quyết toán DA hoàn thành										4.588.500	4.588.500		4.588.500			
5	Công trình: Sửa chữa Trường THCS Thị trấn	Phòng GD-ĐT	490; 29/9/2022	500.000.000	548; 18/10/2022	UBND huyện	500.000.000	TT Đăk Glei	2022	500.000.000	496.464.642	496.464.642		496.464.642	HT năm 2022	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
	Gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT										31.500.000	31.500.000	Chỉ định thầu	31.500.000			
	Gói thầu chi phí tư vấn QLDA										13.788.642	13.788.642	Chỉ định thầu	13.788.642			
	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng										13.600.000	13.600.000	Chỉ định thầu	13.600.000			
	Gói thầu xây lắp										430.406.000	430.406.000	Chỉ định thầu	430.406.000			
	Gói thầu Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC										4.320.000	4.320.000	Chỉ định thầu	4.320.000			
	CP thẩm tra quyết toán DA hoàn thành										2.850.000	2.850.000		2.850.000			
6	Công trình: Sửa chữa Trường TH Kim Đồng, TH Thị trấn và THCS Đăk Pek	Phòng GD-ĐT	490; 29/9/2022	650.000.000		UBND huyện	650.000.000	Xã Đăk Pek, TT Đăk Glei	2022	650.000.000	647.028.205	647.028.205		647.028.205	HT năm 2022	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
	Gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT										41.500.000	41.500.000	Chỉ định thầu	41.500.000			
	Gói thầu chi phí tư vấn QLDA										17.953.205	17.953.205	Chỉ định thầu	17.953.205			
	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng										17.900.000	17.900.000	Chỉ định thầu	17.900.000			
	Gói thầu xây lắp										562.505.000	562.505.000	Chỉ định thầu	562.505.000			
	Gói thầu Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC										4.320.000	4.320.000	Chỉ định thầu	4.320.000			
	CP thẩm tra quyết toán DA hoàn thành										2.850.000	2.850.000		2.850.000			
7	Công trình: Công trình sửa chữa nhà ở giáo viên trường PT DTBT-THCS xã Mường Hoong	Phòng GD-ĐT		500.000.000			500.000.000	Xã Mường Hoong	2022	500.000.000	481.580.000	481.580.000		481.580.000	HT năm 2022	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
	Gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT										31.992.000	31.992.000	Chỉ định thầu	31.992.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
	Gói thầu chi phí tư vấn QLDA										6.750.000	6.750.000	Chỉ định thầu	6.750.000			
	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng										13.500.000	13.500.000	Chỉ định thầu	13.500.000			
	Gói thầu xây lắp										425.018.000	425.018.000	Chỉ định thầu	425.018.000			
	Gói thầu Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC										4.320.000	4.320.000	Chỉ định thầu	4.320.000			
	Gói thầu thiết bị (nếu có)													0			
8	Công trình sửa chữa trụ sở làm việc Phòng giáo dục & Đào tạo	Phòng GD-ĐT		450.000.000			450.000.000	TT Đăk Glei	2022	450.000.000	439.534.000	439.534.000		439.534.000	HT năm 2022	đã kiểm tra	BTV huyện ủy
	Gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT										28.600.000	28.600.000	Chỉ định thầu	28.600.000			
	Gói thầu chi phí tư vấn QLDA										12.555.000	12.555.000	Chỉ định thầu	12.555.000			
	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng										12.000.000	12.000.000	Chỉ định thầu	12.000.000			
	Gói thầu xây lắp										382.059.000	382.059.000	Chỉ định thầu	382.059.000			
	Gói thầu Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC										4.320.000	4.320.000	Chỉ định thầu	4.320.000			
	Gói thầu thiết bị (nếu có)													0			
	NĂM 2023			4.475.138.000			4.475.138.000				4.275.138.000	4.361.541.000		4.361.541.000			
1	Công trình: Sửa chữa Trường Phổ thông DTBT Tiểu học xã Đăk Choong	Phòng GD-ĐT	223; 11/8/2023	600.000.000	500; 18/9/2023	UBND huyện	600.000.000	Xã Đăk Choong	2023	600.000.000	590.254.000	590.254.000		590.254.000	HT năm 2023		
	Gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT										38.845.000	38.845.000	Chỉ định thầu	38.845.000			
	Gói thầu chi phí tư vấn QLDA										8.290.000	8.290.000	Chỉ định thầu	8.290.000			
	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng										17.000.000	17.000.000	Chỉ định thầu	17.000.000			
	Gói thầu xây lắp										518.379.000	518.379.000	Chỉ định thầu	518.379.000			
	Gói thầu Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC										4.320.000	4.320.000	Chỉ định thầu	4.320.000			
	Chi phí thẩm tra quyết toán DA hoàn thành										3.420.000	3.420.000		3.420.000			
2	Công trình: Sửa chữa Trường Tiểu học Kim Đồng xã Đăk Pek	Phòng GD-ĐT	223; 11/8/2023	580.000.000	499; 18/9/2023	UBND huyện	580.000.000	Xã Đăk Pek	2023	580.000.000	564.783.000	564.783.000		564.783.000	HT năm 2023		
	Gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT										37.016.000	37.016.000	Chỉ định thầu	37.016.000			
	Gói thầu chi phí tư vấn QLDA										8.007.000	8.007.000	Chỉ định thầu	8.007.000			
	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng										16.000.000	16.000.000	Chỉ định thầu	16.000.000			
	Gói thầu xây lắp										496.134.000	496.134.000	Chỉ định thầu	496.134.000			
	Gói thầu Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC										4.320.000	4.320.000	Chỉ định thầu	4.320.000			
	Chi phí thẩm tra quyết toán DA hoàn thành										3.306.000	3.306.000		3.306.000			
3	Công trình: Sửa chữa Trường THCS xã Đăk Pek	Phòng GD-ĐT	223; 11/8/2023	780.000.000	498; 18/9/2023	UBND huyện	780.000.000	Xã Đăk Pek	2023	780.000.000	763.213.000	763.213.000		763.213.000	HT năm 2023		

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
	Gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT										50.551.000	50.551.000	Chỉ định thầu	50.551.000			
	Gói thầu chi phí tư vấn QLDA										10.789.000	10.789.000	Chỉ định thầu	10.789.000			
	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng										22.000.000	22.000.000	Chỉ định thầu	22.000.000			
	Gói thầu xây lắp										671.107.000	671.107.000	Chỉ định thầu	671.107.000			
	Gói thầu Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC										4.320.000	4.320.000	Chỉ định thầu	4.320.000			
	Chi phí thẩm tra quyết toán DA hoàn thành										4.446.000	4.446.000		4.446.000			
4	Công trình: Sửa chữa Trường THCS Thị trấn Đắk Glei	Phòng GD-ĐT	223; 11/8/2023	1.840.000.000	501; 18/9/2023	UBND huyện	1.840.000.000	TT Đắk Glei	2023	1.640.000.000	1.797.347.000	1.797.347.000		1.797.347.000	HT năm 2023		
	Gói thầu Tư vấn lập Báo cáo KTKT										111.000.000	111.000.000	Chỉ định thầu	111.000.000			
	Gói thầu chi phí tư vấn QLDA										25.000.000	25.000.000	Chỉ định thầu	25.000.000			
	Gói thầu Tư vấn giám sát xây dựng										52.000.000	52.000.000	Chỉ định thầu	52.000.000			
	Gói thầu xây lắp										1.583.864.000	1.583.864.000	0	1.583.864.000			
	Gói thầu Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC										8.100.000	8.100.000	Chỉ định thầu	8.100.000			
	Gói thầu tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT xây lắp										6.895.000	6.895.000	Chỉ định thầu	6.895.000			
	Chi phí thẩm tra quyết toán DA hoàn thành										10.488.000	10.488.000		10.488.000			
5	Công trình: Sửa chữa tường rào Trường Tiểu học xã Đắk Long (điểm trường Đắk Tu)	Phòng GD-ĐT		219.000.000		UBND huyện	219.000.000	Xã Đắk Long	2023	219.000.000	219.000.000	219.000.000		219.000.000	HT năm 2023		
	Gói thầu xây lắp										219.000.000	219.000.000	Chỉ định thầu	219.000.000			
6	Công trình:Sửa chữa tường rào Trường Mầm non thị trấn	Phòng GD-ĐT		370.000.000		UBND huyện	370.000.000	TT Đắk Glei	2023	370.000.000	340.806.000	340.806.000		340.806.000	HT năm 2023		
	Gói thầu xây lắp										340.806.000	340.806.000	Chỉ định thầu	340.806.000			
7	Công trình:Sửa chữa tường THCS xã Đắk Môn	Phòng GD-ĐT		86.138.000		UBND huyện	86.138.000	Xã Đắk Môn	2023	86.138.000	86.138.000	86.138.000		86.138.000	HT năm 2023		
	Gói thầu xây lắp										86.138.000	86.138.000	Chỉ định thầu	86.138.000			
B	CÁC XÃ, THỊ TRẤN			72.239.377.000			71.972.377.000			64.093.000.000	57.617.455.972	57.611.889.972		58.966.341.742			
B1	XÃ MƯỜNG HOONG			10.515.377.000			10.515.377.000			10.222.000.000	8.370.595.654	8.370.595.654		8.370.595.654			
I	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi			8.631.000.000			8.631.000.000			8.516.000.000	6.665.756.235	6.665.756.235		6.665.756.235			
	NĂM 2022			1.315.000.000			1.315.000.000			1.200.000.000	1.193.342.566	1.193.342.566		1.193.342.566			
1	Đường từ nhà A Thủy đi khu sản xuất thôn Đắk Rế	BQL các CTMT Xã Mường Hoong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.315.000.000	25; 22/9/2022		1.315.000.000	Thôn Đắk Rế, xã Mường Hoong	2022	1.200.000.000	1.193.342.566	1.193.342.566	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.193.342.566	Đã hoàn thành	Đã thanh tra	Thông báo số 870/TB/HU, đã thu hồi 68.961.522 đồng
	NĂM 2023			7.316.000.000			7.316.000.000			7.316.000.000	5.472.413.669	5.472.413.669		5.472.413.669			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
1	Hỗ trợ làm nhà dự án định canh định cư tập trung thôn Ngọc Nang, xã Mường Hoong, huyện Đăk Glai	UBND xã Mường Hoong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	4.400.000.000	92; 13/12/2022		4.400.000.000	Xã Mường Hoong	2023-2025	4.400.000.000	2.560.000.000	2.560.000.000	Hỗ trợ trực tiếp	2.560.000.000	Đang thực hiện		
2	Đường đi KSX từ thôn Đăk Rế đến Đài truyền hình cũ thôn Đăk Rế	BQL các CTMT Xã Mường Hoong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.300.000.000	90; 13/12/2022		1.300.000.000	Thôn Đăk Rế	2023	1.300.000.000	1.297.793.669	1.297.793.669	Chỉ định thầu	1.297.793.669	Đã hoàn thành		
3	Đường đi KSX Mãng Ri thôn Mỏ Po	BQL các CTMT Xã Mường Hoong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.300.000.000	91; 13/12/2022		1.300.000.000	Thôn Mỏ Po	2023-2024	1.300.000.000	1.298.620.000	1.298.620.000	Chỉ định thầu	1.298.620.000	Đã hoàn thành		
4	Xây dựng nhà rông thôn làng mới xã Mường Hoong	UBND xã Mường Hoong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	158.000.000	94; 13/12/2022		158.000.000		2023-2024	158.000.000	158.000.000	158.000.000	Chỉ định thầu	158.000.000	Đã hoàn thành		
5	Xây dựng nhà rông thôn Xã Úa xã Mường Hoong	UBND xã Mường Hoong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	158.000.000	93; 13/12/2022		158.000.000		2023	158.000.000	158.000.000	158.000.000	Chỉ định thầu	158.000.000	Đã hoàn thành		
II	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			1.884.377.000			1.884.377.000			1.706.000.000	1.704.839.419	1.704.839.419		1.704.839.419			
	NĂM 2022			1.884.377.000			1.884.377.000			1.706.000.000	1.704.839.419	1.704.839.419		1.704.839.419			
1	Công trình Đường từ nhà A Cam đi đến đường liên thôn	UBND xã Mường Hoong		160.000.000	Số 15, ngày 21/09/2022	UBND xã Mường Hoong	160.000.000	Xã Mường Hoong	2022	160.000.000	159.656.026	159.656.026	Chỉ định thầu	159.656.026	Đã hoàn thành	Đã thanh tra	
2	Đường GTNT từ nhà A Tiếp tới nhà A Tim thôn Đăk Bê	UBND xã Mường Hoong		228.470.000	Số 16, ngày 21/09/2022	UBND xã Mường Hoong	228.470.000	Xã Mường Hoong	2022	200.000.000	199.524.108	199.524.108	Chỉ định thầu	199.524.108	Đã hoàn thành	Đã thanh tra	
3	Đường đi khu sản xuất Vân Long thôn Ngọc Nang (giai đoạn 1)	UBND xã Mường Hoong		1.495.907.000	Số 17, ngày 21/09/2022	UBND xã Mường Hoong	1.495.907.000	Xã Mường Hoong	2022	1.346.000.000	1.345.659.285	1.345.659.285	Chỉ định thầu	1.345.659.285	Đã hoàn thành	Đã thanh tra	
B2	XÃ NGỌC LINH			4.719.000.000			4.719.000.000			4.506.000.000	1.811.358.318	1.811.358.318		1.811.358.318			
I	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi			3.489.000.000			3.489.000.000			3.400.000.000	891.708.318	891.708.318		891.708.318			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
	NĂM 2022			989.000.000			989.000.000			900.000.000	891.708.318	891.708.318		891.708.318			
1	Đường GTNT thôn Kung Rang xã Ngọc Linh	BQL các CTMT Xã Ngọc Linh	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	438.000.000	55; 22/9/2022		438.000.000	Thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh	2022	400.000.000	397.888.794	397.888.794	Tham gia thực hiện của cộng đồng	397.888.794	Hoàn thành	đã thanh tra	Thanh tra huyện Đắk Glei
2	Sửa chữa đường từ TT xã đi thôn Ngọc Súc	BQL các CTMT Xã Ngọc Linh	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	551.000.000	57; 22/9/2022		551.000.000	Thôn Ngọc Súc, xã Ngọc Linh	2022	500.000.000	493.819.524	493.819.524	Tham gia thực hiện của cộng đồng	493.819.524	Hoàn thành	đã thanh tra	Thanh tra huyện Đắk Glei
	NĂM 2023			2.500.000.000			2.500.000.000			2.500.000.000							
1	Đường GTNT Ngọc Hoàng - Măng Bút đi thôn Đắk Nai	BQL các CTMT Xã Ngọc Linh	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	2.500.000.000	82; 14/12/2022		2.500.000.000	Đắk Nai	2023	2.500.000.000					Đang triển khai chưa thanh toán		
II	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			1.230.000.000			1.230.000.000			1.106.000.000	919.650.000	919.650.000		919.650.000			
	NĂM 2022			1.230.000.000			1.230.000.000			1.106.000.000	919.650.000	919.650.000		919.650.000			
1	Thủy lợi Ngọc Pông	UBND xã Ngọc Linh		563.000.000	363/Đ-UBND ngày 23/9/2022	UBND huyện Đắk Glei	563.000.000	Xã Ngọc Linh	22/11/2022-20/02/2023	506.000.000	418.680.000	418.680.000		418.680.000	Hoàn thành	đã thanh tra	Thanh tra huyện Đắk Glei
2	Thủy lợi Crao man	UBND xã Ngọc Linh		667.000.000	362/Đ-UBND ngày 23/9/2022	UBND huyện Đắk Glei	667.000.000	Xã Ngọc Linh		600.000.000	500.970.000	500.970.000		500.970.000	Hoàn thành	đã thanh tra	Thanh tra huyện Đắk Glei
B3	XÃ ĐẮK PLO			6.489.000.000			6.489.000.000			6.056.000.000	4.442.503.000	4.442.503.000		4.924.468.000			
I	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi			4.589.000.000			4.589.000.000			4.350.000.000	2.737.007.000	2.737.007.000		3.218.972.000			
	NĂM 2022			2.189.000.000			2.189.000.000			1.950.000.000	1.937.574.000	1.937.574.000		1.937.574.000			
1	Đường đi khu sản xuất thôn Pêng Lang, xã Đắk Plô (Đoạn từ nhà A Sỷ đến ruộng A Nâu)	BQL các CTMT Xã Đắk Plô	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.238.000.000	62; 17/09/2022		1.238.000.000	Thôn Pên Lang, xã Đắk Plô	2022	1.100.000.000	1.087.895.000	1.087.895.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.087.895.000	Hoàn thành		
2	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Đắk Dót thôn Đắk Book, xã Đắk Plô	BQL các CTMT Xã Đắk Plô	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	951.000.000	63; 17/09/2022		951.000.000	Thôn Đắk Book, xã Đắk Plô	2022	850.000.000	849.679.000	849.679.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	849.679.000	Hoàn thành		
	NĂM 2023			2.400.000.000			2.400.000.000			2.400.000.000	799.433.000	799.433.000		1.281.398.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
1	Đường đi khu sản xuất Đăk Đơ (Nổi dài)	BQL các CTMT Xã Đăk Plô	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.600.000.000	95; 13/12/2022		1.600.000.000	Đăk Đơ- Bung Koong	2023	1.600.000.000				481.965.000	chưa hoàn thành		
2	Đường đi khu sản xuất A Brỗ	BQL các CTMT XãĐăk Plô	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	800.000.000	96; 13/12/2022		800.000.000	A Brỗ- Pêng Lang	2023-2024	800.000.000	799.433.000	799.433.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	799.433.000	Hoàn thành		
II	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			1.900.000.000			1.900.000.000			1.706.000.000	1.705.496.000	1.705.496.000		1.705.496.000			
	NĂM 2022			1.900.000.000			1.900.000.000			1.706.000.000	1.705.496.000	1.705.496.000		1.705.496.000			
1	Công trình: Công trình Đường từ cầu treo Đăk Plô 1 nổi dài	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Plô	59/QĐ-UBND ngày 17/9/2022	779.000.000	81/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	UBND xã Đăk Plô	779.000.000	Xã Đăk Plô	2022	700.000.000	699.755.000	699.755.000		699.755.000	Hoàn thành		
2	Công trình: Công trình Đường đi KSX Đăk Zôm nổi dài thôn Pêng Lang	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Plô	60/QĐ-UBND ngày 17/9/2022	452.000.000	82/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	UBND xã Đăk Plô	452.000.000	Xã Đăk Plô	2022	406.000.000	405.744.000	405.744.000		405.744.000	Hoàn thành		
3	Công trình: Sửa chữa 06 phòng học tại cụm Đăk Book	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Plô	61/QĐ-UBND ngày 17/9/2022	669.000.000	83/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	UBND xã Đăk Plô	669.000.000	Xã Đăk Plô	2022	600.000.000	599.997.000	599.997.000		599.997.000	Hoàn thành		
B4	XÃ XỚP			4.801.000.000			4.705.000.000			4.506.000.000	4.545.933.182	4.545.933.182		4.499.713.952			
I	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi			2.896.000.000			2.896.000.000			2.800.000.000	2.839.933.182	2.839.933.182		2.793.713.952			
	NĂM 2022			896.000.000			896.000.000			800.000.000	843.658.182	843.658.182		797.438.952			
1	Đường đi KSX Đăk Rang thôn Xốp Dùi xã Xốp	BQL các CTMT Xã Xốp	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	896.000.000	45; 16/9/2022		896.000.000	Thôn Xốp Dùi, xã Xốp	2022	800.000.000	843.658.182	843.658.182	Tham gia thực hiện của cộng đồng	797.438.952	Hoàn thành		
	NĂM 2023			2.000.000.000			2.000.000.000			2.000.000.000	1.996.275.000	1.996.275.000		1.996.275.000			
1	Đường đi KSX Đăk Cam đến Đăk Lô thôn Kon Liêm xã Xốp	BQL các CTMT Xã Xốp	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	950.000.000	98; 14/12/2022		950.000.000	Thôn Kon Liêm, xã Xốp	2023-2024	950.000.000	948.120.000	948.120.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	948.120.000	Hoàn thành		
2	Đường đi nội đồng Đăk Heng thôn Xốp Nghét xã Xốp	BQL các CTMT XãXốp	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.050.000.000	99; 14/12/2022		1.050.000.000	Thôn Xốp Nghét, xã Xốp	2023-2024	1.050.000.000	1.048.155.000	1.048.155.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.048.155.000	Hoàn thành		
II	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			1.905.000.000			1.809.000.000			1.706.000.000	1.706.000.000	1.706.000.000		1.706.000.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
	NĂM 2022			1.905.000.000			1.809.000.000			1.706.000.000	1.706.000.000	1.706.000.000		1.706.000.000			
1	Đường đi KSX Công Hang thôn Đăk Xi Na xã Xốp	Ban Quản lý các CTMT xã Xốp	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	1.003.000.000	44; 16/9/2022	UBND xã Xốp	1.003.000.000	Xã Xốp	27/12/2022-26/5/2023	900.000.000	900.000.000	900.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	900.000.000	Hoàn thành	Chưa	
2	Đường đi KSX Công Xi Mễ thôn Kon Liêm xã Xốp	Ban Quản lý các CTMT xã Xốp	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	902.000.000	43; 16/9/2022	UBND xã Xốp	806.000.000	Xã Xốp	28/12/2022-26/5/2023	806.000.000	806.000.000	806.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	806.000.000	Hoàn thành	Chưa	
B5	XÃ ĐĂK CHOONG			6.406.000.000			6.406.000.000			6.163.000.000	6.365.807.118	6.365.807.118		6.365.807.118			
I	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi			4.526.000.000			4.526.000.000			4.283.000.000	4.497.630.394	4.497.630.394		4.497.630.394			
	NĂM 2022			2.176.000.000			2.176.000.000			1.933.000.000	2.156.710.394	2.156.710.394		2.156.710.394			
1	Đường nội thôn thôn Mô Mam	BQL các CTMT Xã Đăk Choong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	660.000.000	145; 19/9/2022		660.000.000	Xã Đăk Choong	2022	600.000.000	646.447.000	646.447.000	chỉ định thầu	646.447.000	đã hoàn thành		Vốn CTMTQG năm 2022
2	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương thủy lợi Đăk Cối - Đăk Ca Năng thôn Kon Brôi - La Lua	BQL các CTMT Xã Đăk Choong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	550.000.000	151; 21/9/2022		550.000.000	Xã Đăk Choong	2022	500.000.000	547.047.000	547.047.000	chỉ định thầu	547.047.000	đã hoàn thành		Vốn CTMTQG năm 2022
3	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Mí	BQL các CTMT Xã Đăk Choong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	966.000.000	149; 19/9/2022		966.000.000	Xã Đăk Choong	2022	833.000.000	963.216.394	963.216.394	chỉ định thầu	963.216.394	đã hoàn thành		Vốn CTMTQG năm 2022
	NĂM 2023			2.350.000.000			2.350.000.000			2.350.000.000	2.340.920.000	2.340.920.000		2.340.920.000			
1	Đường đi nghĩa địa các thôn Đăk Glây - Mô Mam - Kon Brôi	BQL các CTMT Xã Đăk Choong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	550.000.000	193; 15/12/2022		550.000.000	Thôn Kon brôi	2023	550.000.000	547.567.000	547.567.000	chỉ định thầu	547.567.000	đã hoàn thành		Vốn CTMTQG năm 2023
2	Đường sản xuất Mô Mam - Kon Brôi (GD2)	BQL các CTMT Xã Đăk Choong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	900.000.000	194; 15/12/2022		900.000.000	Thôn Kon Brôi	2023	900.000.000	896.660.000	896.660.000	chỉ định thầu	896.660.000	đã hoàn thành		Vốn CTMTQG năm 2023
3	Đường đi sản xuất Đăk Bla	BQL các CTMT Xã Đăk Choong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	900.000.000	195; 15/12/2022		900.000.000	Thôn Đăk Bla	2023-2024	900.000.000	896.693.000	896.693.000	chỉ định thầu	896.693.000	đã hoàn thành		Vốn CTMTQG năm 2023
II	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			1.880.000.000			1.880.000.000			1.880.000.000	1.868.176.724	1.868.176.724		1.868.176.724			
	NĂM 2022			1.880.000.000			1.880.000.000			1.880.000.000	1.868.176.724	1.868.176.724		1.868.176.724			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
1	Sân thể thao thôn Đăk Bla	UBND xã Đăk Choong	QĐ số: 510/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	36.000.000	145/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	UBND xã Đăk Choong	36.000.000	Xã Đăk Choong	2022	36.000.000	35.127.000	35.127.000	chi định thầu	35.127.000	đã hoàn thành	chưa KT,TT	Vốn CTMTQG năm 2022
2	Đường đi sân Đo Y Ram	UBND xã Đăk Choong	QĐ số: 510/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	659.000.000	147/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	UBND xã Đăk Choong	659.000.000	Xã Đăk Choong	2022	659.000.000	655.618.760	655.618.760	chi định thầu	655.618.760	đã hoàn thành	chưa KT,TT	Vốn CTMTQG năm 2022
3	Sân thể thao thôn Kon Riêng	UBND xã Đăk Choong	QĐ số: 510/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	36.000.000	150/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	UBND xã Đăk Choong	36.000.000	Xã Đăk Choong	2022	36.000.000	35.109.000	35.109.000	chi định thầu	35.109.000	đã hoàn thành	chưa KT,TT	Vốn CTMTQG năm 2022
4	Đường đi SX Ka Lek thôn Đăk Glây	UBND xã Đăk Choong	QĐ số: 510/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.149.000.000	146/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	UBND xã Đăk Choong	1.149.000.000	Xã Đăk Choong	2022	1.149.000.000	1.142.321.964	1.142.321.964	chi định thầu	1.142.321.964	đã hoàn thành	chưa KT,TT	Vốn CTMTQG năm 2022
B6	XÃ ĐĂK NHOONG			5.327.000.000			5.327.000.000			4.981.000.000	4.963.000.000	4.963.000.000		4.944.800.000			
I	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi			4.047.000.000			4.047.000.000			3.875.000.000	3.860.000.000	3.860.000.000		3.844.300.000			
	NĂM 2022			2.097.000.000			2.097.000.000			1.925.000.000	1.917.000.000	1.917.000.000		1.901.300.000			
1	Làm mới đường đi khu sản xuất Đak Cho 2 thôn Đăk Nhoong	BQL các CTMT xã Đăk Nhoong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	562.000.000	164; 23/9/2022		562.000.000	Xã Đăk Nhoong	2022	500.000.000	496.000.000	496.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	496.000.000	Đã hoàn thành		
2	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội thôn nhóm 3 thôn Đăk Ung, xã Đăk Nhoong	BQL các CTMT xã Đăk Nhoong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	573.000.000	166; 23/9/2022		573.000.000	Xã Đăk Nhoong	2022	500.000.000	500.000.000	500.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	493.300.000	Đã hoàn thành		
3	Sửa chữa, nâng cấp đường dân sinh đoạn từ ngã ba cầu BTCT Đăk Roi đi thôn Đăk Ga	BQL các CTMT xã Đăk Nhoong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	962.000.000	165; 23/9/2022		962.000.000	Xã Đăk Nhoong	2022	925.000.000	921.000.000	921.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	912.000.000	Đã hoàn thành		
	NĂM 2023			1.950.000.000			1.950.000.000			1.950.000.000	1.943.000.000	1.943.000.000		1.943.000.000			
1	Xây mới đường đi khu sản xuất Đăk Công Tắc	BQL các CTMT xã Đăk Nhoong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	550.000.000	209; 12/12/2022		550.000.000	Thôn Roóc Năm	2023	550.000.000	548.000.000	548.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	548.000.000	Hoàn thành		
2	Xây mới đường đi khu sản xuất cũ thôn Roóc Năm	BQL các CTMT xã Đăk Nhoong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	700.000.000	208; 12/12/2022		700.000.000	Thôn Roóc Năm	2023	700.000.000	696.000.000	696.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	696.000.000	Hoàn thành		

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
3	Xây mới đường đi khu sản xuất Đăk Đoát	BQL các CTMT xã Đăk Nhoong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	700.000.000	210; 12/12/2022		700.000.000	Thôn Đăk Ga	2023-2024	700.000.000	699.000.000	699.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	699.000.000	Hoàn thành		
II	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			1.280.000.000			1.280.000.000			1.106.000.000	1.103.000.000	1.103.000.000		1.100.500.000			
	NĂM 2022			1.280.000.000			1.280.000.000			1.106.000.000	1.103.000.000	1.103.000.000		1.100.500.000			
1	Xây rãnh thoát nước đường nội thôn Đăk ung	BQL thực hiện các CTMT Đăk Nhoong	140/QĐ-UBND, ngày 5/8/2022	550.000.000	140/QĐ-UBND, ngày 5/8/2022	UBND xã Đăk Nhoong	550.000.000	Thôn Đăk Ung	20/12/2022-18/4/2023	500.000.000	500.000.000	500.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	497.500.000	Đã nghiệm thu	chưa	Vốn CTMTQG năm 2022
2	Sửa chữa đường nội thôn Đăk Ga	BQL thực hiện các CTMT Đăk Nhoong	165/QĐ-UBND, ngày 23/9/2022	730.000.000	165/QĐ-UBND, ngày 23/9/2022	UBND xã Đăk Nhoong	730.000.000	Thôn Đăk ga	20/12/2022-18/4/2023	606.000.000	603.000.000	603.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	603.000.000	Đã nghiệm thu	chưa	Vốn CTMTQG năm 2022
B7	XÃ ĐĂK MAN			7.513.000.000			7.342.000.000			6.183.000.000	6.436.879.000	6.434.096.000		6.170.049.000			
I	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi			1.933.000.000			1.933.000.000			1.933.000.000	1.931.000.000	1.931.000.000		1.931.000.000			
	NĂM 2023			1.933.000.000			1.933.000.000			1.933.000.000	1.931.000.000	1.931.000.000		1.931.000.000			
1	Đường đi khu SX Đăk Lú, thôn Đông Lóc	BQL các CTMT xã Đăk Man	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	800.000.000	80; 14/12/2022		800.000.000	Thôn Đông Lóc	2023	800.000.000	800.000.000	800.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	800.000.000	Hoàn thành		
2	Đường đi khu sản xuất Đăk Hú, thôn Đông Nây - xã Đăk Man	BQL các CTMT xã Đăk Man	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.133.000.000	79; 14/12/2022		1.133.000.000	Thôn Đông Nây	2023	1.133.000.000	1.131.000.000	1.131.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.131.000.000	Hoàn thành		
II	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			5.580.000.000			5.409.000.000			4.250.000.000	4.505.879.000	4.503.096.000		4.239.049.000			
	NĂM 2022			5.580.000.000			5.409.000.000			4.250.000.000	4.505.879.000	4.503.096.000		4.239.049.000			
1	Đường đi khu SX thôn Đông Lóc từ nhà Y Hoàng đến KSX Đăk Lú kéo dài	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Man	510/QĐ-UBND ngày 5/10/2022	1.877.000.000	24; 23/09/2022	UBND xã Đăk Man	1.706.000.000	Thôn Đông Lóc	06/10/2022-06/12/2022	1.706.000.000	1.706.000.000	1.706.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.706.000.000	Hoàn thành		
B8	XÃ ĐĂK PÉK			3.703.000.000			3.703.000.000			2.544.000.000	2.799.879.000	2.797.096.000		2.533.049.000			
I	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi			778.000.000			778.000.000			752.000.000	745.843.000	745.843.000		745.843.000			
	NĂM 2022			278.000.000			278.000.000			252.000.000	247.000.000	247.000.000		247.000.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
1	Sửa chữa điểm trường thôn Đăk Nớ	BQL các CTMT Xã Đăk Pék	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	278.000.000	79; 23/9/2022		278.000.000	Xã Đăk Pék	2022	252.000.000	247.000.000	247.000.000	Chỉ định thầu	247.000.000	Hoàn thành		
	NĂM 2023			500.000.000			500.000.000			500.000.000	498.843.000	498.843.000		498.843.000			
1	Đường GTNT nội thôn thôn Đăk Nớ	BQL các CTMT Xã Đăk Pék	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	500.000.000	105; 15/12/2022		500.000.000	Thôn Đăk Nớ	2023	500.000.000	498.843.000	498.843.000	Chỉ định thầu	498.843.000	Hoàn thành		
II	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			2.925.000.000			2.925.000.000			1.792.000.000	2.054.036.000	2.051.253.000		1.787.206.000			
	NĂM 2022			1.593.000.000			1.593.000.000			779.000.000	777.289.000	777.289.000		777.289.000			
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Dên Prông	BQL các Chương trình MT xã Đăk Pék	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	355.000.000	72/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	UBND xã Đăk Pék	355.000.000	Thôn Dên Prông		100.000.000	100.000.000	100.000.000	Chỉ định thầu	100.000.000	Hoàn thành	chưa thanh tra, kiểm toán	
2	Sửa chữa nhà Rông thôn Đăk Đoát	BQL các Chương trình MT xã Đăk Pék	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	35.000.000	74/QĐ-UBND; ngày 23/9/2022	UBND xã Đăk Pék	35.000.000	Thôn DĐăk Đoát	20/10-2022-18/11/2022	20.000.000	20.000.000	20.000.000	Chỉ định thầu	20.000.000	Hoàn thành	chưa thanh tra, kiểm toán	
3	Sửa chữa nhà Rông thôn Măng Rao	BQL các Chương trình MT xã Đăk Pék	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	35.000.000	75/QĐ-UBND; ngày 23/9/2022	UBND xã Đăk Pék	35.000.000	Thôn Măng Rao	31/10/2022-29/11/2022	20.000.000	20.000.000	20.000.000	Chỉ định thầu	20.000.000	Hoàn thành	chưa thanh tra, kiểm toán	
4	Sân thể thao thôn Dên Prông	BQL các Chương trình MT xã Đăk Pék	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	33.000.000	78/QĐ-UBND; ngày 23/9/2022	UBND xã Đăk Pék	33.000.000	Thôn Dên Prông	11/11/2022-26/11/2022	30.000.000	30.000.000	30.000.000	Chỉ định thầu	30.000.000	Hoàn thành	chưa thanh tra, kiểm toán	
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Pêng Sal Pêng	BQL các Chương trình MT xã Đăk Pék	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	355.000.000	73/QĐ-UBND; ngày 23/9/2022	UBND xã Đăk Pék	355.000.000	Thôn Pêng Sal Pêng	31/10/2022-29/12/2022	100.000.000	100.000.000	100.000.000	Chỉ định thầu	100.000.000	Hoàn thành	chưa thanh tra, kiểm toán	
6	Đường đi KSX thôn Dên Brông	BQL các Chương trình MT xã Đăk Pék	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	184.000.000	77/QĐ-UBND; ngày 23/9/2022	UBND xã Đăk Pék	184.000.000	thôn Dên Prông	30/1/2022-28/12/2022	158.000.000	156.289.000	156.289.000	Chỉ định thầu	156.289.000	Hoàn thành	chưa thanh tra, kiểm toán	
7	Sửa chữa đường nội thôn Đăk Ven (mương thoát nước)	BQL các Chương trình MT xã Đăk Pék	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	596.000.000	76; 23/9/2022	UBND xã Đăk Pék	596.000.000	thôn Đăk Ven	30/10/2022-28/12/2022	351.000.000	351.000.000	351.000.000	Chỉ định thầu	351.000.000	Hoàn thành	chưa thanh tra, kiểm toán	
	NĂM 2023			1.332.000.000			1.332.000.000			1.013.000.000	1.276.747.000	1.273.964.000		1.009.917.000			
1	Sân thể thao thôn Đăk Ven (Sân bóng chuyền)	BQL các Chương trình MT xã Đăk Pék	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	33.000.000	106; 15/12/022	UBND xã Đăk Pék	33.000.000	Thôn Đăk Ven	30/11/2023-29/12/2023	30.000.000	30.000.000	30.000.000	Chỉ định thầu	29.700.000	Hoàn thành	chưa thanh tra, kiểm toán	
2	Làm mới đường nội thôn Măng Rao	BQL các Chương trình MT xã Đăk Pék	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	519.000.000	104; 15/12/2022	UBND xã Đăk Pék	519.000.000	Thôn Măng Rao	20/4/2023-17/8/2023	469.000.000	469.000.000	466.217.000	Chỉ định thầu	466.217.000	Hoàn thành	chưa thanh tra, kiểm toán	
3	Làm mới đường nội thôn Đông Thượng	BQL các Chương trình MT xã Đăk Pék	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	780.000.000	103; 15/12/2022	UBND xã Đăk Pék	780.000.000	Thôn Đông Thượng	31/8/2023-28/12/2023	514.000.000	777.747.000	777.747.000	Chỉ định thầu	514000000	Hoàn thành	chưa thanh tra, kiểm toán	
B9	THỊ TRẤN			5.906.000.000			5.906.000.000			5.906.000.000	5.900.000.000	5.900.000.000		5.900.000.000			
I	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi			5.906.000.000			5.906.000.000			5.906.000.000	5.900.000.000	5.900.000.000		5.900.000.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
	NĂM 2022			1.961.000.000			1.961.000.000			1.961.000.000	1.959.000.000	1.959.000.000		1.959.000.000			
1	Đường đi KSX từ nhà bà Chiến đến ruộng Huyện đội	BQL các CTMT thị trấn	122/QĐ-UBND, ngày 20/10/2022	1.961.000.000	118; 16/9/2022		1.961.000.000	Thị trấn Đăk Glei	2022	1.961.000.000	1.959.000.000	1.959.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.959.000.000	Đã hoàn thành	Đã kiểm toán	
	NĂM 2023			3.945.000.000			3.945.000.000			3.945.000.000	3.941.000.000	3.941.000.000		3.941.000.000			
1	Đường Chung Năng ngoài đi Chung Năng trong (bê tông hóa một số đoạn chưa được đầu tư)	BQL các CTMT Xã thị trấn	154/QĐ-UBND, ngày 14/12/2022	1.985.000.000	154; 14/12/2022		1.985.000.000	Thôn Chung Năng	2023	1.985.000.000	1.983.000.000	1.983.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.983.000.000			
2	Đường đi KSX từ cầu treo Đăk Non đi rẫy A Thái	BQL các CTMT thị trấn	155/QĐ-UBND, ngày 14/12/2022	1.960.000.000	155; 14/12/2022		1.960.000.000	Long Nang	2023-2024	1.960.000.000	1.958.000.000	1.958.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.958.000.000	Đã hoàn thành		CT bố trí vốn 02 năm (2023 và 2024)
B10	XÃ ĐĂK LONG			7.630.000.000			7.630.000.000			6.677.000.000	7.137.964.500	7.137.964.500		7.137.964.500			
I	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi			5.728.000.000			5.728.000.000			4.971.000.000	5.442.280.500	5.442.280.500		5.442.280.500			
	NĂM 2022			2.328.000.000			2.328.000.000			2.071.000.000	2.049.182.500	2.049.182.500		2.049.182.500			
1	Đường đi sản xuất Đăk Trum thôn Vai Trang	BQL các CTMT Xã Đăk Long	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.525.000.000	103; 19/9/2022		1.525.000.000	Xã Đăk Long	2022	1.371.000.000	1.350.975.400	1.350.975.400	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.350.975.400	Hoàn thành		
2	Tu sửa thủy lợi Đăk Nha thôn Dục Lang	BQL các CTMT Xã Đăk Long	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	354.000.000	105; 21/9/2022		354.000.000	Xã Đăk Long	2022	300.000.000	299.264.100	299.264.100	Tham gia thực hiện của cộng đồng	299.264.100	Hoàn thành		
3	Đường đi sản xuất Đăk Bang nối dài thôn Đăk Xây	BQL các CTMT Xã Đăk Long	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	449.000.000	102;19/9/2022		449.000.000	Xã Đăk Long	2022	400.000.000	398.943.000	398.943.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	398.943.000	Hoàn thành		
	NĂM 2023			3.400.000.000			3.400.000.000			2.900.000.000	3.393.098.000	3.393.098.000		3.393.098.000			
1	Đường đi sản xuất Đăk Ting nối dài thôn Đăk Tu xã Đăk Long	BQL các CTMT Xã Đăk Long	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.900.000.000	152; 15/12/2022		1.900.000.000	UBND xã Đăk Long	2023	1.900.000.000	1.895.639.000	1.895.639.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.895.639.000	Hoàn thành		
2	Đường đi KSX Đăk Pook thôn Pêng Blong xã Đăk Long	BQL các CTMT Xã Đăk Long	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.500.000.000	151; 15/12/2022		1.500.000.000	UBND xã Đăk Long	2023-2024	1.000.000.000	1.497.459.000	1.497.459.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.497.459.000	Hoàn thành		
II	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			1.902.000.000			1.902.000.000			1.706.000.000	1.695.684.000	1.695.684.000		1.695.684.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ; ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
	NĂM 2022			1.902.000.000			1.902.000.000			1.706.000.000	1.695.684.000	1.695.684.000		1.695.684.000			
1	Đường nội thôn đi sân bóng đá thôn Đăk Ak	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Long	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	234.000.000	79; 05/8/2022	UBND xã Đăk Long	234.000.000	Xã Đăk Long	27/12/2022 - 26/5/2023	208.000.000	206.852.500	206.852.500	Tham gia thực hiện của cộng đồng	206.852.500	Hoàn thành		
2	Đường nội thôn nhóm 2 thôn Đăk Xây	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Long	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	225.000.000	80; 05/8/2022	UBND xã Đăk Long	225.000.000	Xã Đăk Long	28/12/2022 - 26/5/2023	200.000.000	198.916.500	198.916.500	Tham gia thực hiện của cộng đồng	198.916.500	Hoàn thành		
3	Đường nội thôn từ nhóm 1 đến nhóm 3 thôn Đăk Tu	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Long	20/NQ-HĐND; 5/10/2022	1.443.000.000	81; 05/8/2022	UBND xã Đăk Long	1.443.000.000	Xã Đăk Long	26/12/2022 - 25/5/2023	1.298.000.000	1.289.915.000	1.289.915.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.289.915.000	Hoàn thành		
B11	XÃ ĐĂK MÔN			3.427.000.000			3.427.000.000			1.892.000.000	425.100.200	425.100.200		1.890.100.200			
I	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM			3.427.000.000			3.427.000.000			1.892.000.000	425.100.200	425.100.200		1.890.100.200			
	NĂM 2022			3.427.000.000			3.427.000.000			1.892.000.000	425.100.200	425.100.200		1.890.100.200			
1	Đường GT đi khu sản xuất nổi dài đến đập thủy lợi Đăk Tra (Nhánh 1)	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Môn	431/QĐ-UBND, ngày 21/4/2022	427.000.000	98/QĐ-UBND, ngày 4/8/2022	UBND xã Đăk Môn	427.000.000	Xã Đăk Môn	21/11/2022 - 17/02/2023	427.000.000	425.100.200	425.100.200	Tham gia thực hiện của cộng đồng	425.100.200	Hoàn thành		
-	<i>Gói thầu xây lắp</i>						<i>427.000.000</i>			<i>427.000.000</i>	<i>425.100.200</i>	<i>425.100.200</i>		<i>425.100.200</i>			
2	Cầu treo dân sinh thôn Đăk Nai	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Môn	431/QĐ-UBND, ngày 21/4/2022	3.000.000.000	361/QĐ-UBND, ngày 23/9/2022	UBND xã Đăk Môn	3.000.000.000	Xã Đăk Môn	29/11/2022 - 29/11/2023	1.465.000.000	-	-		1.465.000.000	Hoàn thành		
-	<i>Gói thầu xây lắp</i>						<i>2.537.149.506</i>			<i>1.203.300.000</i>	-	-	<i>Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng</i>	<i>1.203.300.000</i>			
-	<i>Gói tư vấn đầu tư xây dựng</i>						<i>333.299.336</i>			<i>251.200.000</i>			<i>Chỉ định thầu</i>	<i>251.200.000</i>			
-	<i>Gói QL dự án</i>						<i>76.723.401</i>										
-	<i>Chi phí khác</i>						<i>52.827.757</i>			<i>10.500.000</i>			<i>Chỉ định thầu</i>	<i>10.500.000</i>			
B12	XÃ ĐĂK KROONG			5.803.000.000			5.803.000.000			4.457.000.000	4.418.436.000	4.418.436.000		4.418.436.000			
I	Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi			3.249.000.000			3.249.000.000			3.016.000.000	3.008.278.000	3.008.278.000		3.008.278.000			
	NĂM 2022			2.049.000.000			2.049.000.000			1.816.000.000	1.811.069.000	1.811.069.000		1.811.069.000			

TT	Tên nguồn vốn/ Dự án	Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao quản lý thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư		Dự án đầu tư			Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn đã bố trí	Giá gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Giá trúng thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Giá thanh toán gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn	Thực hiện hoàn thành hoặc chưa hoàn thành dự án	Đã Kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ; ngày...	Cấp quyết định	Tổng mức đầu tư										
1	Đường GTNT từ cầu treo đi KSX Pêng Bai thôn Đăk Bo	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Kroong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	791.000.000	123; 22/09/2022		791.000.000	Xã Đăk Kroong	2022	700.000.000	698.472.000	698.472.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	698.472.000	Hoàn thành		
2	Đường GTNT đi KSX Đăk Pôk thôn Đăk Gô nổi dài	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Kroong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.258.000.000	121; 22/9/2022		1.258.000.000	Xã Đăk Kroong	2022	1.116.000.000	1.112.597.000	1.112.597.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.112.597.000	Hoàn thành		
NĂM 2023				1.200.000.000			1.200.000.000			1.200.000.000	1.197.209.000	1.197.209.000		1.197.209.000			
1	Đường GTNT Đăk Wăk nổi dài nhánh 4 đi KSX của thôn	BQL các CTMT xã Đăk Kroong	QĐ 509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.200.000.000	139; 09/12/2022		1.200.000.000	Thôn Đăk Wăk	2023	1.200.000.000	1.197.209.000	1.197.209.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	1.197.209.000	Hoàn thành		
II Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM				2.554.000.000			2.554.000.000			1.441.000.000	1.410.158.000	1.410.158.000		1.410.158.000			
NĂM 2022				1.000.000.000			1.000.000.000			878.000.000	847.158.000	847.158.000		847.158.000			
1	Nâng cấp sửa chữa thủy lợi Đăk Lát thôn Nủ Vai	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Kroong	509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	481.000.000	352; 21/09/2022	UBND huyện Đăk Glei	481.000.000	Thôn Nủ Vai	09/11/2022 -08/01/2023	427.000.000	398.747.000	398.747.000	Chỉ định thầu	398.747.000	Hoàn thành		
2	Đường GTNT từ cầu treo đi KSX Đăk Reng thôn Nủ Vai	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Kroong	509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	519.000.000	113; 14/08/2022	UBND xã Đăk Kroong	519.000.000	Thôn Nủ Vai	23/11/2022 -20/02/2023	451.000.000	448.411.000	448.411.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	448.411.000	Hoàn thành		
NĂM 2023				1.554.000.000			1.554.000.000			563.000.000	563.000.000	563.000.000		563.000.000			
3	Đường GTNT nhánh 1 nổi dài từ đường bê tông đi KSX thôn Đăk Sút	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Kroong	509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	1.054.000.000	191; 14/12/2022	UBND xã Đăk Kroong	1.054.000.000	Thôn Đăk Sút	04/04/2023 -01/07/2023	563.000.000	563.000.000	563.000.000	Tham gia thực hiện của cộng đồng	563.000.000	Hoàn thành		
4	Xây dựng mới 02 phòng học thuộc trường tiểu học Đăk Kroong điểm trường Đăk Túc	Ban Quản lý các CTMT xã Đăk Kroong	509/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	500.000.000			500.000.000	Thôn Đăk Túc									Chuyển nguồn
TỔNG CỘNG A+B				367.808.653.000			367.541.653.000			324.702.276.000	310.672.418.250	306.492.569.854		298.558.950.624			